

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HS-ST.

Ngày 13 - 7 - 2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lên.

2. Ông Nguyễn Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Trần Thị L, sinh ngày 13/10/1988; Nơi sinh: Tại thành phố H; Đăng ký thường trú: 239/67/73B Trần Văn Đ, Tổ 40, Khu phố D, Phường A, Quận C, thành phố H; Nơi ở hiện nay: Nhà không số, đường T, Tổ B, Khu phố F, Phường A, thành phố T, thành phố H; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ học vấn: 2/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Văn T và bà Võ Thị H (bà H đã chết); Chồng không sống chung, không đăng ký kết hôn; Con có 03 người lớn sinh năm 2005 nhỏ sinh năm 2018; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 23/5/2012 Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xử phạt Trần Thị L 03 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 và tổng hợp với bản án số: 188/2011/HSPT ngày 25/11/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh L buộc chấp hành chung hình phạt của hai bản án là 05 năm 06 tháng tù (Bản án số: 12/2012/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/12/2016, chưa hết thời hạn được xóa án tích; Ngày 05/6/2020 Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xử phạt Trần Thị L 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự (Bản án số: 49/2020/HS-ST). Chấp hành xong ngày 30/4/2022, chưa hết thời hạn được xóa án tích. Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công An huyện C, tỉnh Trà Vinh từ ngày 17 tháng 5 năm 2023; Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Thị H1 (tên gọi khác: L1), sinh 24/10/1990; Nơi sinh: Tại thành phố H; Đăng ký thường trú: 239/67/73B Trần Văn Đ, Tổ 40, Khu phố D, Phường A, Quận C, thành phố H; Chỗ ở hiện nay: Nhà không số, đường T, Tổ B, Khu phố F,

Phường A, thành phố T, thành phố H; Nghề nghiệp: không nghề nghiệp; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T và bà Võ Thị H (bà H đã chết); Chồng không sống chung, không đăng ký kết hôn; Con có 03 người lớn sinh năm 2007 nhỏ sinh năm 2012; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 14/12/2020 bị Tòa án nhân dân Quận 2, thành phố H xử phạt 01 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (Bản án số: 86/2020/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/7/2021, chưa hết thời hạn được xóa án tích; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2022 đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Ông Nguyễn Tấn T1, sinh năm 1973; Địa chỉ: Khu phố D, Phường B, thị xã K, tỉnh L (vắng mặt).

Bà Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1977; Địa chỉ: Khu phố A, Phường A, thị xã K, tỉnh L (vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 1992; Địa chỉ: Khu phố A, Phường A, thị xã K, tỉnh L (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Đinh Thị N1, sinh năm: 1965; Địa chỉ: Khu phố E, Phường B, thị xã K, tỉnh L (vắng mặt).

Bà Nguyễn Lý Trà M, sinh năm: 2000; Địa chỉ: Khu phố D, Phường B, thị xã K, tỉnh L (vắng mặt).

Bà Tô Thị H2, sinh năm: 1954; Địa chỉ: Khu phố A, Phường A, thị xã K, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng 08/CT-VKSKT ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An truy tố ra trước Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh L để xét xử bị cáo Trần Thị L về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a, c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự và bị cáo Trần Thị H1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Thị L và Trần Thị H1 diễn biến như sau:

Trần Thị L, sinh năm: 1988 và Trần Thị H1, sinh năm: 1990 là hai chị em ruột ở chung nhà, có hộ khẩu thường trú: số B T, Tổ 40, Khu phố D, Phường A, Quận C, thành phố H. Chỗ ở: Nhà không số, đường T, tổ B, Khu phố F, Phường A, thành phố T, thành phố H. Ngày 10/11/2022 L lên mạng internet tìm hiểu thì biết ở thị xã K, tỉnh L có Trung tâm thương mại, ở đó có nhiều tiệm kinh doanh vàng nên L rủ H1 cùng nhau đi đến thị xã K để thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản (vàng trang sức). Lý phân công: Lý sẽ lựa vàng đưa cho H1 tính tiền, cảnh giới và làm cho chủ tiệm vàng mất cảnh giác tạo sự tập trung, chú ý đến H1 để L trực tiếp lén lút lấy trộm tài sản. Cả hai thống nhất, đến ngày 11/11/2022 do H1 bị bệnh nên không đi. Đến khoảng 06 giờ 30 phút ngày 12/11/2022 Trần Thị L và Trần Thị H1 cùng nhau đón xe đò đi thị xã K. Sau khi đến thị xã K vào khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, ăn uống xong cả hai đi đến Trung tâm thương mại thị xã K thuộc Khu

phố A, Phường A, thị xã K ghé vào tiệm V - 3 N mua được 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18k, thấy chủ tiệm vàng quản lý chặt nên L và H1 không thực hiện trộm cắp tài sản được. Cả hai đi sang tiệm V1 (cách đó khoảng 20m) do Nguyễn Tấn T1, sinh năm: 1973 cư ngụ Khu phố D, Phường B, thị xã K làm chủ, con gái là Nguyễn Lý Trà M đứng bán. Tại đây, L và H1 yêu cầu đưa ra nhiều loại vàng để chọn, H1 chọn mua 05 (năm) sợi dây chuyền vàng để tạo sự tập trung của người bán vàng vào H1, để L lén lút lấy trộm được 09 (chín) sợi dây chuyền vàng 18k. H1 trả tiền xong, L ra hiệu cho H1 đã thực hiện xong và cả hai đi tiếp. Đến tiệm V2 (cách đó khoảng 70m) do Nguyễn Ngọc N, sinh năm: 1977 cư ngụ Khu phố A, Phường C, thị xã K làm chủ, bà Đinh Thị N1 làm quản lý đứng bán, H1 chọn mua 01 (một) sợi dây chuyền vàng để tạo sự tập trung của người quản lý tiệm vàng vào H1 để L lén lút lấy trộm được 02 (hai) sợi dây chuyền vàng 18k. Xong cả hai đi tiếp đến tiệm V3 (cách đó khoảng 40m) do Ngô Thị Thu T3, sinh năm: 1992 cư ngụ Khu phố A, Phường A, thị xã K làm chủ, H1 chọn mua dây chuyền vàng để tạo sự tập trung của chủ tiệm vàng vào H1, để L lén lút lấy trộm 02 (hai) sợi dây chuyền vàng 18k bỏ vào túi áo. L tiếp tục lấy trộm 02 (hai) sợi dây chuyền vàng 18k cầm trên tay thì bị T3 nghi vấn, yêu cầu kiểm tra camera, nghe vậy L chuyển tay bỏ 02 (hai) sợi dây chuyền vàng 18k dưới máy tính tiền. Lúc này hành vi của L bị phát hiện nên L xin T3 tha đồng thời yêu cầu được bồi thường cọc tiền mà L đem theo. H1 cũng xin bỏ qua nhưng T3 không đồng ý mà trình báo Cơ quan Công an đến và lập biên bản phạm tội quả tang.

Tang vật thu giữ: 02 (hai) sợi dây chuyền vàng 18k tại tiệm V3; 01 (một) sợi dây chuyền vàng, trọng lượng: 3C263; 01 (một) sợi dây chuyền vàng, trọng lượng: 3C293; Thu giữ trên người Trần Thị L: Qua kiểm tra phát hiện trên 02 (hai) lai quần L đang mặc có 13 (mười ba) sợi dây chuyền vàng 18k các loại gồm: 01 (một) sợi dây chuyền vàng, trọng lượng: 3C218; 01 (một) sợi dây chuyền vàng, trọng lượng: 5C005; 01 (một) sợi dây chuyền vàng, trọng lượng: 1C016; 01 (một) sợi dây chuyền vàng, trọng lượng: 6P25; 01 (một) sợi dây chuyền vàng, trọng lượng: 1C062; 01 (một) sợi dây chuyền vàng, trọng lượng: 6P35; 01 (một) sợi dây chuyền vàng, trọng lượng: 1C048; 01 (một) sợi dây chuyền vàng, trọng lượng: 1C10; 01 (một) sợi dây chuyền vàng, trọng lượng: 2C702; 01 (một) sợi dây chuyền vàng, trọng lượng: 5C129; 01 (một) sợi dây chuyền vàng, trọng lượng: 4C335; 01 (một) sợi dây chuyền vàng, trọng lượng: 5C028; 01 (một) sợi dây chuyền vàng, trọng lượng: 2C0244; 46.000.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 7 màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) áo khoác nữ vải Kaki tay dài màu xanh, có 02 túi ở phía trước bụng và 01 túi bên trong bụng bên phải có tem vải bên trong cổ áo phía sau có ghi chữ “Fashion Made in VietNam” màu hồng; 01 (một) quần lửng nữ loại vải voan kẻ sọc màu đen-vàng, có 02 túi ngoài ở hai bên; Thu giữ trên người Trần Thị H1: 68.950.000 đồng; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A15s màu xanh đen, đã qua sử dụng; 07 (bảy) sợi dây chuyền vàng 18k các loại có hóa đơn mua vàng kèm theo (Mua tại tiệm V - 3 Nga: 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18k; tiệm V1: 05 (năm) sợi dây chuyền vàng 18k; tiệm V2: 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18k) tổng trị giá 51.676.000 đồng.

Theo bản kết luận định giá tài sản số: 24/KL-HĐ-ĐGTS ngày 14/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự thị xã K, kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng, trọng lượng: 3C263, trị giá 11.159.460 đồng; 01 sợi dây chuyền vàng, trọng lượng: 3C293, trị giá 11.262.060 đồng; 01 (một) sợi dây chuyền vàng, trọng lượng: 3C218, trị giá 11.005.560 đồng; 01 (một) sợi dây chuyền vàng, trọng lượng: 5C005, trị giá 17.117.100 đồng; 01 (một) sợi dây chuyền vàng, trọng lượng: 1C016, trị giá 3.474.720 đồng; 01 (một) sợi dây chuyền vàng, trọng lượng: 06P25, trị giá 2.137.500 đồng; 01 (một) sợi dây chuyền vàng, trọng lượng: 1C06.2, trị giá 3.632.040 đồng; 01 (một) sợi dây chuyền vàng, trọng lượng: 06P35, trị giá 2.171.700 đồng; 01 (một) sợi dây chuyền vàng, trọng lượng: 01C04.8, trị giá 3.584.160 đồng; 01 (một) sợi dây chuyền vàng, trọng lượng: 01C10, trị giá 3.762.000 đồng; 01 (một) sợi dây chuyền vàng, trọng lượng: 02C70.2, trị giá 9.240.840 đồng; 01 (một) sợi dây chuyền vàng, trọng lượng: 05C12.9, trị giá 17.541.180 đồng; 01 (một) sợi dây chuyền vàng, trọng lượng: 04C33.5, trị giá 14.825.700 đồng; 01 (một) sợi dây chuyền vàng, trọng lượng: 05C02.8, trị giá 17.195.760 đồng; 01 (một) sợi dây chuyền vàng, trọng lượng: 2C0244, trị giá 6.923.448 đồng. Tổng tài sản trên có giá trị: 135.033.228 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Thị L về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a, c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo Trần Thị H1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa qua phần thẩm tra các chứng cứ Kiểm sát viên phát biểu quan điểm kết luận về vụ án và đề nghị xử lý vụ án như sau:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Thị L và Trần Thị H1 đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt:

Áp dụng điểm a, c, g khoản 2 Điều 173; điểm n, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38; Điều 50, Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị L từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38; Điều 50, Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị H1 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật hình sự xử lý như sau:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã K đã trả lại cho các bị hại ông Nguyễn Tấn T1 09 sợi dây chuyền vàng 18k, bà Nguyễn Ngọc N 02 sợi dây chuyền 18k, bà Ngô Thị Thu T3 04 sợi dây chuyền vàng 18k xong. Các bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Trả lại bị cáo Trần Thị H1 07 (bảy) sợi dây chuyền vàng 18k các loại có hóa đơn mua vàng kèm theo; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A15s màu xanh đen, đã qua sử dụng và 68.950.000 đồng.

Trả lại bị cáo Trần Thị L 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 7 màu đen, đã qua sử dụng và 46.000.000 đồng.

Tiêu hủy của bị cáo L 01 áo khoác nữ vải Kaki tay dài màu xanh; 01 quần lửng nữ loại vải voan kẻ sọc màu đen-vàng gì giá trị không lớn.

Về phạt phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét thấy các bị cáo có tiền nên đề nghị phạt bị cáo L và bị cáo H1 mỗi bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại ông Nguyễn Tấn T1, bà Nguyễn Ngọc N, bà Ngô Thị Thu T3 đã nhận lại đầy đủ tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

Về án phí: Buộc các bị cáo L và H1 phải chịu tiền án phí hình sự theo quy định.

Về lời trình bày của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố được tiến hành theo trình tự thủ tục, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Trần Thị L và Trần Thị H1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, các bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nên Viện kiểm sát truy tố các bị cáo để xét xử về tội trộm cắp tài sản là đúng người, đúng tội không oan. Lời khai nhận tội của các bị cáo Trần Thị L và Trần Thị H1 tại phiên tòa hôm nay, được đối chiếu với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, biên bản thu giữ tài liệu đồ vật, kết luận định giá, lời khai của người bị hại và các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa là phù hợp.

[3] Các bị cáo Trần Thị L và Trần Thị H1 biết rõ tài sản thuộc sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ khi có hành vi trái pháp luật xâm phạm, nhưng các bị cáo bàn bạc, phân công vai trò cho nhau chỉ trong thời gian ngắn đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại các tiệm vàng như sau: Tiệm vàng C của Nguyễn Tấn T1 lấy trộm 09 sợi dây chuyền vàng 18k; Tiệm vàng Hồng của Nguyễn Ngọc N lấy trộm 02 sợi dây chuyền vàng 18k; Tiệm vàng T của Ngô Thị Thu T3 lấy trộm 04 sợi dây chuyền vàng 18k đồng nhằm thỏa mãn mục đích cá nhân.

[4] Tổng giá trị giá tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là: 135.033.228 đồng.

[5] Trong vụ án này hai bị cáo L và bị cáo H1 có sự thống nhất ý chí cùng tham gia thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo L lên mạng internet tìm hiểu biết ở thị xã K có nhiều tiệm kinh doanh vàng nên bị cáo L cùng bị cáo H1 đến thị xã K để thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản (vàng trang sức). Bị cáo L và bị cáo H1 có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể khi thực hiện hành vi trộm cắp, Bị cáo L thì thực hiện việc lựa chọn vàng sau đó đưa vàng đã mua cho bị cáo H1 vừa tính tiền, vừa cảnh giới để làm cho chủ tiệm vàng mất cảnh giác và tạo sự tập trung, chú ý đến bị cáo H1 để bị cáo L trực tiếp lén lút lấy trộm tài sản. Vì vậy, hành vi phạm

tội của các bị cáo L và H1 thuộc trường hợp “phạm tội có tổ chức” nên các bị cáo phải chịu tình tiết định khung theo điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Trong đó bị cáo L có vai trò là người tổ chức và thực hành, bị cáo H1 vai trò giúp sức tạo điều kiện cho bị cáo L thực hiện hành vi. Ngoài ra các bị cáo L và H1 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có tổng giá tài sản trên 50.000.000 đồng nên các bị cáo phải chịu tình tiết định khung theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Trần Thị L ngày 05/6/2020 Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự nhưng chưa hết thời hạn được xóa án tích, nay tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên bị cáo L phải chịu tình tiết định khung là “Tái phạm nguy hiểm” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[6] Như vậy, đã có đầy đủ căn cứ pháp lý để kết luận rằng hành vi phạm tội của bị cáo Trần Thị L đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a, c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo Trần Thị H1 đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, nên Viện kiểm sát truy tố các bị cáo Trần Thị L và Trần Thị H1 ra Tòa là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[7] Hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Thị L và Trần Thị H1 là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của ông Nguyễn Tấn T1, bà Nguyễn Ngọc N, bà Ngô Thị Thu T3 mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, gây xôn xao dư luận trong quần chúng nhân dân. Hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Thị L và Trần Thị H1 bị pháp luật nghiêm cấm. Do đó, cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự để có hình phạt tương xứng mới giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội, đồng thời răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[8] Khi quyết định hình phạt cần xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra. Bị cáo Trần Thị L có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 2 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Bị cáo H1 có hai tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 2 lần trở lên và tái phạm được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Bị cáo L có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, phụ nữ có thai được quy định tại điểm n, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo H1 có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo thì bị cáo L có vai trò tích cực hơn nên hình phạt nghiêm khắc hơn bị cáo H1 và cần áp dụng hình phạt tù giam cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người tốt sau này; Đồng thời trấn áp tình hình tội phạm trộm cắp và phục vụ tình hình an ninh trật tự trị an tại địa phương, răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[9] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng như sau:

Đối với tài sản của các bị hại: Ông Nguyễn Tấn T1 09 sợi dây chuyền vàng 18k, bà Nguyễn Ngọc N 02 sợi dây chuyền 18k, bà Ngô Thị Thu T3 04 sợi dây

chuyên vàng 18k. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã K đã trả lại cho các bị hại xong, các bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Đối với số tiền 46.000.000 đồng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 7 màu đen, đã qua sử dụng của bị cáo L. Bị cáo L không dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo L.

Đối với 07 sợi dây chuyền vàng 18k các loại có hóa đơn mua vàng kèm theo mà bị cáo H1 mua tại tiệm V; Tiệm V2; Tiệm V1; 68.950.000 đồng và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A15s màu xanh đen, đã qua sử dụng của bị cáo H1. Bị cáo H1 không dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo H1.

Đối với áo khoác nữ vải Kaki tay dài màu xanh và 01 quần lửng nữ loại vải voan kẻ sọc màu đen-vàng, có 02 túi ngoài ở hai bên của bị cáo L đã dùng vào việc phạm tội, giá trị không lớn nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền của bị cáo Trần Thị L 46.000.000 đồng, của bị cáo H1 68.950.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K đã tạm gửi Ngân hàng N2 chi nhánh thị xã K theo tài khoản số: 3949.0.9067498.00000 tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại ông Nguyễn Tấn T1, bà Nguyễn Ngọc N, bà Ngô Thị Thu T3 đã nhận lại đầy đủ tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

[11] Về phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét thấy các bị cáo có tiền nên phạt bổ sung bị cáo L và bị cáo H1 mỗi bị cáo 5.000.000 đồng.

[12] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

[13] Từ những nhận xét nêu trên xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thị L và Trần Thị H1 (tên gọi khác: L1) đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm a, c, g khoản 2 Điều 173; điểm n, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38; Điều 50, Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị L từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời gian thi hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo Trần Thị L chấp hành án phạt tù.

Giao bị cáo Trần Thị L cho Cơ quan Thi hành án hình sự và H3 trợ Tư pháp (Nhà tạm giữ) Công an thị xã K giao trả bị cáo Trần Thị L cho Cơ quan Thi hành án hình sự và H3 trợ Tư pháp (Nhà tạm giữ) Công an huyện C, tỉnh Trà Vinh theo quy định.

Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38; Điều 50, Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị H1 từ 02 (hai) năm tù.

Thời gian thi hành án phạt tù được tính từ ngày 12/11/2023.

Căn cứ Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Thị H1 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 13/7/2023) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng như sau:

Trả lại bị cáo Trần Thị L 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 7 màu đen, đã qua sử dụng và số tiền là 46.000.000 đồng (bốn mươi sáu triệu đồng).

Trả lại bị cáo Trần Thị H1 07 sợi dây chuyền vàng 18k các loại có hóa đơn mua vàng kèm theo; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A15s màu xanh đen, đã qua sử dụng và số tiền là 68.950.000 đồng (sáu mươi tám triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

Tịch thu tiêu hủy của bị cáo Trần Thị L 01 áo khoác nữ vải Kaki tay dài màu xanh và 01 quần lửng nữ loại vải voan kẻ sọc màu đen-vàng, có 02 túi ngoài ở hai bên.

Các vật chứng này Cơ quan Thi hành án dân sự thị xã K đang quản lý (theo biên bản giao nhận ngày 14/4/2023).

Riêng số tiền của bị cáo Trần Thị L 46.000.000 đồng, của bị cáo Trần Thị H1 68.950.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K đã tạm gửi Ngân hàng N2 Chi nhánh thị xã K theo tài khoản số: 3949.0.9067498.00000 tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

Về phạt bổ sung: Phạt bổ sung các bị cáo Trần Thị L và Trần Thị H1 mỗi bị cáo 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Buộc các bị cáo Trần Thị L và Trần Thị H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, thị xã;
- Cảnh sát điều tra Công an TXKT;
- Chi cục THADS thị xã;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- *Đội CSTHAHS và hỗ trợ tư pháp;*
- *Thi hành án phạt tù.*
- *Lưu hồ sơ.*
- *Lưu án văn.*

Trình Văn Út

